

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/HS-ST
Ngày 19-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Phúc Tuyên.

2. Ông Mai Thanh Tùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Hanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 71/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

BÀN VĂN L, sinh ngày 20/02/1988 tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Nơi thường trú: Thôn HD, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ tư; con ông Bàn Tiến T (đã chết) và bà Phùng Thị G, sinh năm 1956; vợ: Triệu Thị L (đã ly hôn), con: Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 07/9/2023 bị Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn L:** Ông Phạm Thế Nghĩa - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

* **Bị hại:** Chị Triệu Thị L, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn HD, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2008 (không xác định được thời gian cụ thể), Bàn Văn L quen biết và nảy sinh tình cảm yêu đương với chị Triệu Thị L nhưng chưa phát sinh quan hệ tình dục. Ngày 20/11/2009 gia đình tổ chức đám cưới cho Bàn Văn L và Triệu Thị L theo phong tục tập quán của địa phương (nhưng chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn). Sau khi tổ chức đám cưới khoảng 01 tuần thì L và L có quan hệ tình dục với nhau nhiều lần tại buồng ngủ của mình thuộc thôn HD, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang dẫn đến L mang thai, đến ngày 09/12/2010 (dương lịch) thì chị L sinh con tại Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hóa (tại thời điểm sinh cháu T, L được 15 tuổi 08 tháng 15 ngày). Do không đủ tuổi đăng ký kết hôn nên Bàn Văn L và Triệu Thị L không đăng ký khai sinh cho cháu T. Đến ngày 14/01/2013 Bàn Văn L và Triệu Thị L đến Ủy ban nhân dân xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang để đăng ký kết hôn, đồng thời làm thủ tục khai sinh cho cháu T.

Tại Bản Kết luận giám định số 3426/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận cháu Bàn Phúc T là con đẻ của Bàn Văn L và Triệu Thị L.

Trước cơ quan điều tra bị cáo Bàn Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng kết luận giám định, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 73/CT-VKSCCH ngày 28/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố bị cáo Bàn Văn L về tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bàn Văn L phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 115; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 (bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là ông Bàn Tiến Thanh tham gia dân công hỏa tuyến được Bộ Tư lệnh Quân khu 2 chứng nhận; bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế) Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bàn Văn L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm là 15.000.000 đồng, bị hại xác nhận đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường trên và không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền gì khác, do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Bị cáo Bàn Văn L là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về kháng cáo bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Bàn Văn L phát biểu quan điểm: Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 115; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 (người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế) Điều 51; Điều 54 (do bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51); Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bàn Văn L dưới mức thấp nhất của khung hình phạt trong khung hình phạt liên kề. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không có yêu cầu gì nên không đề nghị xem xét. Bị cáo là dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: *1. Điều luật được áp dụng đối với một hành vi phạm tội là điều luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện. 2. Điều luật quy định một tội phạm mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới hoặc hạn chế phạm vi áp dụng...và quy định khác không có lợi cho người phạm tội thì không được áp dụng đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước khi điều luật đó có hiệu lực thi hành...* Tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017

của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự 2015 quy định: “...c)...các điều luật bổ sung hành vi phạm tội mới, các điều luật quy định một hình phạt mới, một hình phạt nặng hơn, một tình tiết tăng nặng mới; các điều luật quy định hạn chế phạm vi miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, giảm hình phạt, xóa án tích và các quy định khác không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đối với người đang được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, xóa án tích; trong trường hợp này, vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 để giải quyết; so sánh nội dung quy định thì việc áp dụng quy định tại Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Bàn Văn L là có lợi hơn so với Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy việc quy kết và xét xử đối với bị cáo Bàn Văn L phạm tội Giao cấu với trẻ em theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 11 năm 2009 đến khoảng tháng 4 năm 2010 (không xác định được ngày, giờ cụ thể) tại thôn HD, xã HM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, Bàn Văn L, sinh ngày 22/02/1988 (là người đủ 18 tuổi trở lên) đã thực hiện hành vi giao cấu với chị Triệu Thị L, sinh ngày 24/3/1995 (là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi) nhiều lần, làm cho chị L có thai và sinh con vào ngày 09/12/2010 (tại thời điểm sinh con chị L 15 tuổi 08 tháng 15 ngày). Tại Bản Kết luận giám định số: 3426/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận cháu Bàn Phúc T, sinh ngày 09/12/2010 là con đẻ của Bàn Văn L và Triệu Thị L. Như vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố bị cáo Bàn Văn L về tội “*Giao cấu với trẻ em*” với tình tiết định khung tại các điểm a, d khoản 2 Điều 115 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tính chất của hành vi phạm tội, nhân thân: Bị cáo Bàn Văn L có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo đã lợi dụng sự phát triển chưa đầy đủ về thể chất, tinh thần của người bị hại để thực hiện hành vi giao cấu nhiều lần và gây hậu quả rất nghiêm trọng là làm người bị hại có thai, sinh con. Sau đó, giữa bị cáo và bị hại đã xác lập quan hệ hôn nhân (nay đã ly hôn), do vậy xác định nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của bị cáo một phần xuất phát từ sự thiếu hiểu biết về pháp luật, mặc dù giữa bị cáo và bị hại có

sự yêu thương nhau trên cơ sở tự nguyện. Bị cáo có nhân thân xấu (năm 2023 bị Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”).

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm số tiền là 15.000.000 đồng; Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; bị hại Triệu Thị L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố đẻ là ông Bàn Tiến Thanh tham gia dân công hỏa tuyến được Bộ Tư lệnh Quân khu 2 cấp giấy chứng nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người bị hại, xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Vì vậy, cần phải có một mức án phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn trong phạm vi đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ.

[4] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt trong khung hình phạt liên kề đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội 02 lần trở lên thuộc trường hợp quy định tại điểm a và làm nạn nhân có thai quy định tại điểm d khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, thời điểm bị cáo có quan hệ tình dục nhiều lần với bị hại L, bị hại là người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi dẫn đến bị hại L có thai và sinh con vào ngày 09/12/2010, vì vậy nhận thức của bị hại còn hạn chế; Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi, phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà bị cáo thực hiện, ngoài ra bị cáo còn là người có tiền sự (ngày 07/9/2023 bị Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú, huyện Chiêm Hóa xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng về hành vi Đánh bạc). Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy về mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là khách quan và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị hại Triệu Thị L và bị cáo Bàn Văn L đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Bàn Văn L là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, d khoản 2 Điều 115; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; các Điều 135, 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bàn Văn L phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bàn Văn L 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bàn Văn L.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/12/2024)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp;
- Cơ quanĐT-CA huyện Chiêm Hóa;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Phòng HSNV-CA tỉnh TQ;
- Bị cáo, bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- L hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh